TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 -4-2019
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mạnh Xuân Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Đức Liên và ông Nguyễn Văn Hoằng;

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên tham gia phiên toà: bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Ph**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Ng, xã H, huyện D, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Hoàng T,** sinh năm 1984; Địa chỉ: Phố Ng, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam.

(Tại phiên tòa có mặt chị Ph; anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ph trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Hoàng T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện xây dựng hạnh phúc gia đình và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ vào ngày 18/9/2014. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày một

lạnh nhạt. Do chán nản, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân từ tháng 9 năm 2015 đến nay không quan tâm tới nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hoàng T có quan điểm: Anh xác nhận về điều kiện, thủ tục kết hôn giữa hai người như chị Ph đã trình bày là đúng. Về tình cảm vợ chồng anh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Ph đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài về và sống không chung thủy với anh. Ngoài ra một phần nữa là do giữa hai vợ chồng không có con chung nên không có sợi dây ràng buộc tình cảm vợ chồng. Anh cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng đến nay không còn nhưng chị Phượng xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Chị Ph và anh T đều xác định vợ chồng không có con chung, con nuôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Ph, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Duy Tiên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời HĐXX nghị án; về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Hoàng T; về con chung, con nuôi: không có; về tài sản chung; công sức; công nợ của vợ chồng, do các bên đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết; về án phí chị Ph phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên VKSND huyện Duy Tiên phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, mặc dù bị đơn là anh Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Hoàng T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Hoàng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam ngày 18/9/2014 trên cơ sở tự nguyện là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] *Về mâu thuẫn của vợ chồng*: Sau ngày cưới, vợ chồng chị Ph, anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng, chị Ph và anh T mỗi người đưa ra quan điểm khác nhau, song cả hai cùng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân nhau khoảng 03 năm nay. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không có kết. Quan điểm chị Ph kiên quyết xin ly hôn anh T; Trong khi đó quan điểm của anh T xét thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nhưng anh đồng ý ly hôn chị Ph, Song anh T cũng không đưa ra biện pháp nào để thuyết phục chị Ph rút yêu cầu ly hôn về đoàn tụ với anh.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị Ph, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù có kéo dài tình trạng sống ly thân của vợ chồng như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận cho chị Ph được ly hôn anh T là hoàn toàn phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014.

[4] *Về con chung*: chị Ph và anh T đều xác định vợ chồng không có con chung, con nuôi nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung, công sức, công nợ*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí HNGĐ sơ thẩm*: Chị Ph phải chịu theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Hoàng T.

2. *Về con chung, con nuôi*: Không có.

3. *Về tài sản chung, công sức, công nợ chung của vợ chồng:* Không đặt ra xem xét.

4. *Án phí HNGĐ sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Ph đã nộp theo biên lai số AA/2015/0000385 ngày 04/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Nay chị Ph không phải nộp thêm.

Báo cho chị Nguyễn Thị Ph có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Anh Nguyễn Hoàng T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam.*
- *VKSND huyện Duy Tiên.*
- *Chi cục THADS huyện Duy Tiên.*
- *UBND thị trấn Đn;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải